

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13/8/2021
V/v: “Kiện ly hôn,
tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Lanh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hòa;
2. Ông Hoàng Văn Ngân.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nhâm Đình Mạnh - Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Lào Cai.

Ngày 13/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kiều A - Sinh năm 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 7, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái - Vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Lương Tiến D - Sinh năm 1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 38, phân trại số 1, trại giam H (xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái) - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Kiều A trình bày: Chị Trần Thị Kiều A và anh Lương Tiến D tự nguyện tìm hiểu yêu thương và kết hôn vào ngày 09/5/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống. Tình cảm vợ chồng đã được hai bên gia đình, bạn bè khuyên giải nhưng không thành. Sau đó năm 2017 anh Lương Tiến D vi phạm pháp luật bị xử phạt 17 năm 06 tháng tù, hiện đang chấp hành án tại đội 38, phân trại số 1 trại giam H. Đến nay chị Trần Thị Kiều A xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Tiến D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương Phương A, sinh ngày 09/6/2014. Khi ly hôn chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con, không yêu cầu anh D phải cấp cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Trần Thị Kiều A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2021, bị đơn anh Lương Tiến D khai: Anh Lương Tiến D và chị Trần Thị Kiều A kết hôn với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Anh D và chị A sống ly thân nhau được hơn một năm thì anh D vi phạm pháp luật và bị bắt. Trong thời gian ly thân vợ, chồng không còn tình cảm và không vướng mắc nhau gì về kinh tế. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh D và chị Trần Thị Kiều A được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương Phương A, sinh ngày 09/6/2014. Khi ly hôn anh D nhất trí để chị A được nuôi con

Về tài sản chung: Anh Lương Tiến D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại điều khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kiều A và anh Lương Tiến D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống. Anh D và chị A sống ly thân nhau được hơn một năm thì sau đó năm 2017 anh D vi phạm pháp luật, bị xử phạt 17 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” hiện đang chấp hành án tại đội 38, phân trại số 1 trại giam H. Chị A xin ly hôn, anh D đồng ý ly hôn. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kiều A với anh Lương Tiến D

[2.2] Về con chung: Xét việc giao nuôi con thì thấy rằng chị Trần Thị Kiều A đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu Lương Phương A đến tuổi

tưởng thành. Anh Lương Tiến D cũng nhất trí để chị A được trực tiếp nuôi cháu Lương Phương A. Căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lương Phương A cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Lương Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Kiều A và anh Lương Tiến D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Kiều A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kiều A.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Kiều A và anh Lương Tiến D.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Phương A, sinh ngày 09/6/2014 cho chị Trần Thị Kiều A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Lương Phương A đủ 18 tuổi. Anh Lương Tiến D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị A. Anh D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Kiều A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị A đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000546 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai được trừ vào tiền án phí phải nộp.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kiều A, anh Lương Tiến D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- Các đương sự;
- THADS;
- UBND xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Lanh